



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2422212

1. Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH SỐ 2 – CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA
HEINEKEN VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2. Phân loại mẫu : NT1 - Nước thải sản xuất đầu ra của HTXL nước thải SX
công suất 5000m³/ngày đêm, Tọa độ (X:1178674; Y:722320)

3. Ngày lấy mẫu : 30/09/2024

4. Ngày trả kết quả : 10/10/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	8,59	6-9	TCVN 6492:2011
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	22	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (ở 20°)	mg/L	9	30	SMEWW 5210B:2023
4	COD	mg/L	15	75	SMEWW 5220C:2023
5	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/L	3,7	20	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	2,1	4	SMEWW 4500-P.B&E:2023
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1)	5	SMEWW 5520B&F:2023
8	Clodur (Cl ₂)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1	TCVN 6225-2:2021
9	Coliform	MPN/ 100ml	1,3 x 10 ³	3000	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2422213

1. Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH SỐ 2 – CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA
HEINEKEN VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2. Phân loại mẫu : NT2 - Nước thải đầu ra tại điểm đầu nối với cống thoát chung KCN
Tọa độ (X:1178124; Y:722571)

3. Ngày lấy mẫu : 30/09/2024

4. Ngày trả kết quả : 10/10/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	TCNT KCN Mỹ Xuân A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	8,55	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	18	200	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (ở 20°)	mg/L	12	100	SMEWW 5210B:2023
4	COD	mg/L	20	300	SMEWW 5220C:2023
5	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/L	3,9	30	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	1,8	5	SMEWW 4500.P.B&E:2023
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1)	4,5	SMEWW 5520B&F:2023
8	Coliform	MPN/100ml	2,1 x 10 ³	10.000	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2422214

1. Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH SỐ 2 – CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA
HEINEKEN VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2. Phân loại mẫu : NT3 - Nước thải sinh hoạt đầu ra HTXL NT công suất 120m³/ngày đêm
Tọa độ (X:1177738; Y:722564)

3. Ngày lấy mẫu : 30/09/20244. Ngày trả kết quả : 10/10/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Giá trị C, cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,33	5-9	TCVN 6492:2011
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	8	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (ở 20°)	mg/L	KPH(LOD=1)	30	SMEWW 5210B:2023
4	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH(LOD=0,5)	5	TCVN 588:1995
5	N-NO ₃ ⁻	mg/L	7,6	30	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023
6	P-PO ₄ ³⁻	mg/L	0,14	6	SMEWW 4500-P.E:2023
7	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH(LOD=0,03)	1	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
8	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH (LOD=0,02)	5	SMEWW 5540B&C:2023
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH(LOD=1)	10	SMEWW 5520B&F:2023
10	Coliform	MPN/ 100ml	5,8 x 10 ²	3000	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích

Giám đốc

Ngô Thị Bích Thuận

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng
- QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2422215

1. Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH SỐ 2 – CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA
HEINEKEN VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2. Phân loại mẫu : NM - Nước từ khu tái sử dụng nước thải sau xử lý tại đầu ra của hệ thống
tái sử dụng NT sau xử lý công suất 2000m³/ngày đêm
Tọa độ (X:1178487; Y:722317)

3. Ngày lấy mẫu : 30/09/20244. Ngày trả kết quả : 10/10/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08: 2023/BTNMT Bảng 2, mức C	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,25	6 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	6	>100 và không có rác nổi	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (ở 20°)	mg/L	5	≤ 10	TCVN 6001-2:2008
4	COD	mg/L	< LOQ=10	≤ 20	SMEWW 5220C:2023
5	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,01)	-	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
6	N-NO ₃ ⁻	mg/L	0,28	-	TCVN 6180:1996
7	N-NO ₂ ⁻	mg/L	KPH (LOD=0,005)	-	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/L	KPH (LOD=0,02)	-	SMEWW 4500-P.E:2023
9	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	16,4	-	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023
10	Tổng dầu mỡ	mg/L	KPH (LOD=1)	-	SMEWW 5520B:2023
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH (LOD=0,02)	-	SMEWW 5540B&C:2023
12	Coliform	MPN/ 100ml	1,8 x 10 ²	≤ 7500	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng
- QCVN 08:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt